

Kiểm định tính tin cậy nội bộ và giá trị cấu trúc của bộ chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam

Trần Thụy Khánh Linh^{1*}, Huỳnh Thụy Phương Hồng¹, Hà Thị Như Xuân¹, Lương Văn Hoan¹,
Nguyễn Thị Kim Tường², Nguyễn Bích Lưu³

¹Trường Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

³Chi Hội Giáo viên Điều dưỡng Việt Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Năng lực giảng viên điều dưỡng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả và thành công của đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng chất lượng cao, ảnh hưởng đến công tác dự phòng, chăm sóc sức khỏe con người và cộng đồng. Việc đánh giá năng lực giảng viên điều dưỡng giúp chuẩn hóa, minh bạch hóa công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng hạng và phát triển nghề nghiệp giảng viên điều dưỡng.

Mục tiêu: Đánh giá tính tin cậy, tính giá trị và mức độ đồng thuận đối với bộ chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang, sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích với cỡ mẫu ≥ 100 người, tiêu chuẩn trình độ từ đại học trở lên, thuộc lĩnh vực điều dưỡng hoặc ngành liên quan, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong giáo dục điều dưỡng. Những người được chọn sẽ được mời khảo sát qua biểu mẫu trên Microsoft Forms bằng bảng hỏi về Bộ chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam (National Essential Competency Criteria for Nurse Educators in Vietnam (NECC_VN)).

Kết quả: Có 135 người với 100% chuyên môn là điều dưỡng, công tác ở các trường, cơ sở thực hành từ 3 miền của Việt Nam tham gia vào nghiên cứu. Bộ chuẩn năng lực thể hiện mức độ nhất quán nội bộ cao, với hệ số Cronbach's alpha dao động từ 0,92 đến 0,97 ở các tiêu chuẩn thành phần. Phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis – CFA) cung cấp bằng chứng hỗ trợ ban đầu cho mô hình 8 tiêu chuẩn với 35 tiêu chí. Đánh giá bộ chuẩn năng lực với điểm trung bình từ 3,12 đến 3,62 trên thang điểm 4. Đa số người tham gia đồng thuận ở nhiều tiêu chí > 90%.

Kết luận: NECC_VN được xây dựng trong nghiên cứu này cho thấy mức độ tin cậy nội bộ cao và có cơ sở lý thuyết cũng như thực tiễn để sử dụng như một khung tham chiếu trong đánh giá năng lực giảng viên điều dưỡng trong bối cảnh đào tạo hiện nay. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, kiểm định và điều chỉnh một số tiêu chí nhằm tăng tính rõ ràng và khả năng áp dụng cũng như củng cố giá trị cấu trúc của bộ chuẩn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Từ khóa: năng lực giảng viên điều dưỡng; chuẩn năng lực; giảng viên

Ngày nhận bài: 10-03-2026 / Ngày chấp nhận đăng bài: 09-05-2026 / Ngày đăng bài: 16-05-2026

*Tác giả liên hệ: Trần Thụy Khánh Linh. Trường Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. E-mail: thuykhanhlinhtran@ump.edu.vn

© 2026 Bản quyền thuộc về Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

ASSESSING THE INTERNAL CONSISTENCY RELIABILITY AND CONSTRUCT VALIDITY OF THE NATIONAL ESSENTIAL COMPETENCY CRITERIA FOR NURSE EDUCATORS IN VIETNAM

Tran Thuy Khanh Linh, Huynh Thuy Phuong Hong, Ha Thi Nhu Xuan, Luong Van Hoan, Nguyen Thi Kim Tuong, Nguyen Bich Luu

Background: Nursing educator competency is a critical factor determining the effectiveness and success of training high-quality nursing human resources, which in turn influences disease prevention and the delivery of healthcare for individuals and communities. Assessing the competencies of nursing educators contributes to standardizing and increasing transparency in recruitment, appointment, promotion, and professional development of nursing educators.

Objectives: To evaluate the reliability, validity, and level of consensus regarding the competency standards for nursing educators in Vietnam.

Methods: A cross-sectional study was conducted using purposive sampling with a sample size of ≥ 100 participants. Eligible participants were required to hold at least a bachelor's degree in nursing or a related field and have a minimum of two years of experience in nursing education. Selected participants were invited to complete an online survey via Microsoft Forms using a questionnaire on the National Essential Competency Criteria for Nurse Educators in Vietnam (NECC_VN).

Results: A total of 135 participants, with nursing backgrounds and working at universities and clinical practice institutions across the three regions of Vietnam, participated in the study. The competency standards demonstrated very good internal consistency reliability, with Cronbach's alpha ranging from 0.92 to 0.97. Construct validity was confirmed through confirmatory factor analysis, supporting an eight-standard, 35-criterion model that fits the data well. The evaluation scores of the competency standards ranged from 3.12 to 3.62 on a four-point scale. Most participants expressed agreement with more than 90% of the criteria.

Conclusions: The NECC_VN demonstrated good reliability and validity and are appropriate for assessing the competencies of nursing educators in the current educational context. However, further review and refinement of several criteria are recommended to enhance clarity and applicability.

Keywords: nurse educator competency; competency standards; educators

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hệ thống y tế toàn cầu hướng đến mô hình chăm sóc lấy con người và cộng đồng làm trung tâm, vai trò của điều dưỡng ngày càng được mở rộng và khẳng định. Điều dưỡng không chỉ là một nghề nghiệp độc lập mà còn là lực lượng quan trọng góp phần dự phòng, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và củng cố hệ thống y tế [1,2]. Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống y tế đặt ra nhu cầu ngày càng lớn về nguồn nhân lực điều dưỡng chất lượng. Báo cáo của Hội

đồng Điều dưỡng Quốc tế cho thấy thế giới thiếu khoảng 5,9 triệu điều dưỡng và một trong những rào cản lớn đối với việc mở rộng đào tạo là thiếu giảng viên điều dưỡng có năng lực [1]. Nhiều quốc gia ghi nhận năng lực đào tạo điều dưỡng chưa theo kịp nhu cầu nhân lực y tế do hạn chế về đội ngũ giảng viên điều dưỡng [3].

Trong bối cảnh đó, năng lực của giảng viên điều dưỡng được xem là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng. Chuẩn năng lực là những mức độ trình độ, khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, được công nhận qua đánh giá, kiểm định theo

những chuẩn năng lực nghề nghiệp [4]. Chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng là những năng lực cần thiết giúp cho nhà giáo dục điều dưỡng thực hiện vai trò tác động đến việc người học có thể áp dụng phương pháp giáo dục chuyên sâu để học tập [5]. Năng lực của nhà giáo dục điều dưỡng có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả học tập của người học, hiệu quả chương trình đào tạo và chất lượng thực hành nghề nghiệp sau tốt nghiệp [6]. Nhằm định hướng phát triển đội ngũ giảng viên điều dưỡng, nhiều tổ chức quốc tế đã xây dựng các khung năng lực dành cho nhà giáo dục điều dưỡng. Tổ chức Y tế Thế giới đã ban hành khung năng lực cốt lõi cho giảng viên điều dưỡng nhằm hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng chất lượng cao [7]. Bên cạnh đó, Liên đoàn Điều dưỡng Hoa Kỳ cũng xác định các nhóm năng lực quan trọng của giảng viên điều dưỡng như thúc đẩy quá trình học tập của người học, phát triển chương trình đào tạo, đánh giá người học, lãnh đạo học thuật và phát triển nghề nghiệp liên tục [8]. Các nghiên cứu gần đây tiếp tục xây dựng và nhấn mạnh các năng lực cốt lõi của giảng viên điều dưỡng [9-11]. Mặc dù nhiều khung năng lực đã được đề xuất nhưng việc triển khai và đánh giá các khung năng lực này trong bối cảnh giáo dục cụ thể vẫn còn hạn chế và cần thêm các nghiên cứu thực nghiệm [9].

Tại Việt Nam, giáo dục điều dưỡng đang từng bước phát triển, chuẩn hóa và hội nhập quốc tế. Bộ Y tế đã ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam góp phần định hướng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng [4]. Quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng cũng đã được ban hành nhằm chuẩn hóa nguồn nhân lực [12]. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam vẫn chưa có bộ chuẩn năng lực dành riêng cho giảng viên điều dưỡng được xây dựng và đánh giá một cách hệ thống trong bối cảnh đào tạo. Đại hội đại biểu toàn quốc năm 2022 của Hiệp Hội Điều Dưỡng Việt Nam cũng đã xác định việc xây dựng chuẩn năng lực của giảng viên điều dưỡng Việt Nam đang là một nhu cầu rất quan trọng và cấp thiết. Trước thực tế đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ đồng thuận đối với bộ chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam (National Essential Competency Criteria for Nurse Educators in Vietnam (NECC_VN)) và đánh giá tính tin cậy, tính giá trị của bộ chuẩn trong bối cảnh đào tạo điều dưỡng hiện nay, qua đó cung cấp bằng chứng khoa học cho việc hoàn thiện và triển khai chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng ở Việt Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Giảng viên giảng dạy điều dưỡng ở các trường cao đẳng, đại học công lập và ngoài công lập trên toàn quốc. Nhân viên y tế tham gia công tác giảng dạy sinh viên điều dưỡng tại cơ sở y tế. Đơn vị đào tạo, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên quan ngành điều dưỡng. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2024 đến tháng 8/2025.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn

Đối tượng tham gia có trình độ từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực điều dưỡng hoặc ngành liên quan (hộ sinh, gây mê hồi sức, quản lý y tế), có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong giáo dục điều dưỡng và tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

Đối tượng nghiên cứu không hoàn thành đầy đủ bảng khảo sát trong thời gian nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu

Cỡ mẫu được xác định theo tính khả thi của khảo sát trên các đối tượng đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu và đảm bảo sự phân bố đại diện cho các vùng miền trên toàn quốc, đồng thời tham chiếu các khuyến nghị về cỡ mẫu trong phân tích nhân tố khẳng định (CFA) [13]. Trong nghiên cứu này, cỡ mẫu ≥ 100 được xem là mức tối thiểu để đánh giá tính tin cậy nội bộ và bước đầu kiểm định tính giá trị cấu trúc của NECC_VN trong bối cảnh thực nghiệm [14,15].

Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện có chủ đích.

2.2.3. Phương pháp thực hiện

Từ công văn mời tham gia nghiên cứu của Chi Hội giáo viên điều dưỡng Việt Nam gửi đến các đơn vị, chúng tôi đã liên hệ những người quan tâm đến nghiên cứu này qua email, số điện thoại để giới thiệu về nghiên cứu, xin đồng thuận và

thực hiện thu thập dữ liệu qua biểu mẫu trên Microsoft Forms.

2.2.4. Biến số nghiên cứu

Thông tin chung của giảng viên gồm: tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn cao nhất, nơi công tác, hình thức giảng viên tham gia giảng dạy.

NECC_VN là bộ chuẩn năng lực được đề xuất cho giảng viên điều dưỡng và những người tham gia đào tạo sinh viên điều dưỡng tại các cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong nước, chủ yếu ở trình độ đại học. Bộ chuẩn này được phát triển từ nghiên cứu Delphi trước đó nhằm xác lập nội dung và cấu trúc ban đầu. Kết quả nghiên cứu Delphi cho thấy NECC_VN có giá trị nội dung cao với chỉ số CVI đạt mức tốt (I-CVI từ 0,80 đến 1,00; S-CVI/Ave = 0,97) và gồm 35 tiêu chí thuộc 8 tiêu chuẩn (Giảng dạy (6 tiêu chí); Phát triển chương trình đào tạo và tài liệu học tập (4 tiêu chí); Lượng giá, đánh giá (4 tiêu chí); Hỗ trợ, cố vấn học tập (4 tiêu chí); Thực hành nghề nghiệp (3 tiêu chí); Nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp (5 tiêu chí); Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật (5 tiêu chí); Quản lý và lãnh đạo (4 tiêu chí)).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá tính tin cậy nội bộ, giá trị cấu trúc và mức độ đồng thuận của người tham gia đối với NECC_VN trong bối cảnh kiểm định ban đầu. Công cụ thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi tự điền, sử dụng thang đo Likert 4 mức độ với 1 = Hoàn toàn không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Đồng ý; 4 = Hoàn toàn đồng ý.

2.2.5. Xử lý và phân tích dữ liệu

Phân tích CFA được xem là mô hình đo lường nhằm kiểm định cấu trúc giả thuyết của NECC_VN. Cấu trúc mô hình được xác định dựa trên cơ sở từ kết quả nghiên cứu Delphi trước đó. NECC_VN gồm 35 tiêu chí thuộc 8 tiêu chuẩn, các tiêu chí là biến quan sát và các tiêu chuẩn là các biến tiềm ẩn.

Ngoài ra, điểm tổng NECC_VN được sử dụng như biến phụ thuộc liên tục trong phân tích so sánh giữa các nhóm đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu với các phép kiểm định thống kê phù hợp (t-test, ANOVA hoặc Kruskal-Wallis).

Đánh giá tính tin cậy của bộ chuẩn năng lực bằng hệ số Cronbach's alpha, tính giá trị cấu trúc bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Mức độ phù hợp của mô hình CFA được đánh giá dựa trên diễn giải kết hợp nhiều chỉ số, bao gồm: Comparative Fit Index (CFI) và Tucker-Lewis Index (TLI) $\geq 0,90$ thể hiện mức chấp nhận được, $\geq 0,95$ là tốt; Root Mean

Square Error of Approximation (RMSEA) $\leq 0,08$ là chấp nhận được, $\leq 0,06$ là tốt và Standardized Root Mean Square Residual (SRMR) $\leq 0,08$ được xem là đạt yêu cầu. Ngoài ra, hệ số xác định của mô hình (coefficient of determination, CD) cũng được ghi nhận như một chỉ số bổ sung, giá trị CD gần 1 cho thấy mô hình giải thích tốt phương sai chung của dữ liệu [16,17]. Giá trị của các biến được trình bày dạng tần số và tỷ lệ %. Tỷ lệ đồng thuận cho từng tiêu chí được tính bằng tổng tỷ lệ người tham gia chọn mức 3 (Đồng ý) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý). Tỷ lệ đồng thuận được xác định khi tỷ lệ $> 75\%$ [18]. Quản lý dữ liệu bằng phần mềm Excel và phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 17.0.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng tham gia nghiên cứu

Kết quả có 135 người đã tham gia vào nghiên cứu với 100% chuyên môn là điều dưỡng. Tuổi của người tham gia thấp nhất là 25 và cao nhất là 74 tuổi. Phần lớn người tham gia là nữ chiếm 80,0%. Về trình độ chuyên môn, thạc sĩ chiếm tỷ lệ cao nhất với 73,3%. Người tham gia công tác tại miền Bắc (40,7%) tương đương với miền Nam (40,0%). Trong đó, trường đại học chiếm tỷ lệ cao nhất (52,3%). Phần lớn người tham gia giảng dạy ở hình thức kết hợp lý thuyết tại giảng đường, kỹ năng lâm sàng và kỹ năng tiền lâm sàng với 61,5% (Bảng 1).

3.2. Chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam

NECC_VN có mức độ nhất quán nội bộ cao với hệ số Cronbach's alpha từ 0,92 đến 0,97 ở 8 tiêu chuẩn và đạt 0,98 đối với toàn bộ thang đo (Bảng 2). Phân tích ở mức mục cho thấy hệ số tương quan giữa từng mục với tổng điểm của thang đo sau khi loại chính mục đó (item-rest correlation) dao động từ 0,55 đến 0,91 và việc loại bỏ từng mục riêng lẻ không làm tăng đáng kể hệ số Cronbach's alpha của thang đo.

Tính giá trị cấu trúc của NECC_VN được kiểm định bằng phân tích nhân tố khẳng định CFA mô hình 8 nhân tố bậc một, tương ứng với 8 tiêu chuẩn năng lực. Kết quả CFA có SRMR = 0,05; CFI = 0,87; TLI = 0,85; RMSEA = 0,12; CD = 1,00.

Ngoài ra, phân tích CFA bậc hai cho thấy mô hình một nhân tố năng lực tổng thể bao trùm 8 tiêu chuẩn thành phần cũng

được kiểm định với SRMR = 0,03; CFI = 0,94; TLI = 0,92; RMSEA = 0,18; CD = 0,981. Các hệ số tải chuẩn hóa của 8 tiêu chuẩn thành phần lên nhân tố năng lực tổng thể chủ yếu lớn hơn 0,70, ngoại trừ tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp ($\beta = 0,54$) (Phụ lục 1).

Bên cạnh đó, các ước lượng ở mức tham số cho thấy mô hình CFA ổn định với dữ liệu hiện tại. Cụ thể, tất cả các hệ số tải đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) với phần lớn giá trị $\geq 0,70$. Các khoảng tin cậy 95% của các hệ số tải đều không bao gồm giá trị 0, cho thấy các ước lượng là ổn định.

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng tham gia nghiên cứu (n=135)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi (năm) trung vị (khoảng tứ phân vị); (Giá trị nhỏ nhất – lớn nhất)	42 (36-45); 25-74	
Giới tính		
Nam	27	20
Nữ	108	80
Trình độ chuyên môn cao nhất		
Cử nhân	22	16,3
Thạc sĩ	99	73,3
Tiến sĩ	14	10,4
Khu vực công tác		
Miền Bắc	58	43,0
Miền Trung	24	17,7
Miền Nam	53	39,3
Loại hình cơ sở công tác		
Trường đại học	71	52,5
Trường cao đẳng	59	43,8
Bệnh viện	4	3,0
Trung tâm đào tạo nhân lực điều dưỡng	1	0,7
Hình thức đối tượng nghiên cứu tham gia giảng dạy		
Lý thuyết tại giảng đường	15	11,1
Kỹ năng lâm sàng	4	3,0
Kỹ năng tiền lâm sàng	4	3,0
Lý thuyết tại giảng đường + Kỹ năng lâm sàng + Kỹ năng tiền lâm sàng	83	61,5
Lý thuyết tại giảng đường + Kỹ năng lâm sàng	19	14,0
Lý thuyết tại giảng đường + Kỹ năng tiền lâm sàng	8	5,9
Kỹ năng lâm sàng + Kỹ năng tiền lâm sàng	2	1,5

Bảng 2. Hệ số Cronbach's alpha và hệ số tương quan item-rest correlation của bộ chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam (n=135)

STT	Nội dung tiêu chuẩn	Số câu trong tiêu chuẩn	Giá trị item-rest correlation* (min-max)	Giá trị Cronbach's alpha
1	Giảng dạy	6	0,55 – 0,89	0,92
2	Phát triển chương trình đào tạo và tài liệu học tập	4	0,85 – 0,88	0,95
3	Lượng giá, đánh giá	4	0,86 – 0,88	0,94
4	Hỗ trợ, cố vấn học tập	4	0,85 – 0,90	0,95
5	Thực hành nghề nghiệp	3	0,87 – 0,91	0,95
6	Nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp	5	0,79 – 0,88	0,94
7	Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật	5	0,86 – 0,91	0,97
8	Quản lý và lãnh đạo	4	0,83 – 0,86	0,97
Tổng		35	0,55 – 0,91	0,98

*Item-rest correlation được tính giữa từng mục và tổng điểm thang đo sau khi loại chính mục đó

3.3. Mức độ đồng ý của người tham gia về chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam

Kết quả cho thấy người tham gia đồng thuận cao đối với bộ NECC_VN với đánh giá điểm trung bình của các tiêu chuẩn với điểm trung bình từ 3,39 đến 3,61 và tiêu chí dao động từ 3,12 đến 3,62. Trong đó, tiêu chuẩn Giảng dạy có điểm trung bình cao nhất ($3,61 \pm 0,61$), trong khi tiêu chuẩn Quản lý và lãnh đạo có điểm trung bình thấp nhất ($3,39 \pm 0,76$). Tỷ lệ đồng thuận cho từng tiêu chí được tính bằng tổng tỷ lệ người tham gia chọn mức 3 (Đồng ý) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) trên thang đo Likert 4 mức độ. Kết quả cho thấy phần lớn người tham gia lựa chọn hai mức này với tỷ lệ đồng thuận ở nhiều tiêu chí đạt trên 90% (Phụ lục 2).

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm đánh giá NECC_VN theo các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, bao gồm nhóm tuổi ($p=0,57$), giới tính ($p=0,11$), trình độ chuyên môn cao nhất ($p=0,77$), khu vực công tác ($p=0,13$), loại hình cơ sở công tác ($p=0,47$) và hình thức tham gia giảng dạy ($p=0,68$). Điểm trung bình đánh giá NECC_VN giữa các nhóm dao động từ 3,34 đến 3,79, cho thấy mức độ đánh giá cao và tương đối đồng đều giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu (Phụ lục 3).

4. BÀN LUẬN

Độ tuổi trung vị của người tham gia trong nghiên cứu là 42 (36 - 45), cho thấy phần lớn đối tượng đã có nhiều kinh nghiệm chuyên môn cũng như giảng dạy. Mặc dù độ tuổi nhỏ nhất là 25 nhưng điều này thường gặp khi một số giảng viên điều dưỡng trẻ tham gia giảng dạy kỹ năng sau khi tốt nghiệp đại học. Về giới tính, nữ chiếm 80%, cao hơn so với cơ cấu chung của giảng viên Việt Nam [19], tỷ lệ này phản ánh đặc thù của lĩnh vực điều dưỡng vốn có lực lượng lao động nữ chiếm ưu thế và tương đồng với tỷ lệ giảng viên điều dưỡng là nữ chiếm ưu thế ở một số quốc gia khác [20]. Phần lớn người tham gia có trình độ sau đại học (83,7%), cho thấy mặt bằng học thuật tương đối cao của đội ngũ giảng viên điều dưỡng. Tuy nhiên, tỷ lệ tiến sĩ (10,4%) vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của giảng viên đại học Việt Nam (khoảng 33 - 34%), sự khác biệt này có thể liên quan đến quy mô đào tạo tiến sĩ điều dưỡng trong nước còn hạn chế. Hiện nay, chương trình đào tạo tiến sĩ điều dưỡng chủ yếu được triển khai tại

Trường Điều dưỡng Nam Định (tuyển sinh 08 chỉ tiêu/năm) và Trường Điều dưỡng Kỹ thuật Y học – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (tuyển sinh 05 chỉ tiêu/năm) [21,22], dẫn đến số lượng nghiên cứu sinh điều dưỡng được đào tạo trong nước còn ít. Trong khi đó, việc theo học tiến sĩ ở nước ngoài đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, yêu cầu ngoại ngữ và các điều kiện học thuật khác, điều này ảnh hưởng đến cơ hội học tập nâng cao trình độ cho điều dưỡng tại Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu phân bố ở cả ba miền, tương đối phù hợp với phân bố thực tế của các cơ sở giáo dục tại Việt Nam vốn tập trung chủ yếu ở miền Bắc và miền Nam, trong khi miền Trung chiếm tỷ lệ thấp hơn [19]. Phần lớn đối tượng nghiên cứu công tác tại các cơ sở đào tạo, phản ánh vai trò trung tâm của các trường trong đào tạo điều dưỡng. Mặc dù sự tham gia của bệnh viện và trung tâm đào tạo nhân lực điều dưỡng chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng, vì đây là môi trường thực hành và đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo điều dưỡng phục vụ thị trường lao động trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, đa số đối tượng nghiên cứu tham gia giảng dạy đồng thời lý thuyết, tiền lâm sàng và lâm sàng cho thấy tính tích hợp cao trong đào tạo điều dưỡng. Sự đa dạng của những đặc điểm này cho thấy mẫu nghiên cứu đã bao quát nhiều khía cạnh đào tạo điều dưỡng khác nhau, góp phần tăng tính đại diện khi đánh giá NECC_VN.

Kết quả phân tích NECC_VN có mức độ nhất quán nội bộ cao với hệ số Cronbach's alpha từ 0,92 đến 0,97 ở các tiêu chuẩn thành phần và 0,98 đối với toàn bộ thang đo. Các giá trị này phản ánh sự liên kết chặt chẽ giữa các mục trong từng tiêu chuẩn, phù hợp với các khía cạnh năng lực đã được xác định từ nghiên cứu Delphi trước đó. Tuy nhiên, hệ số Cronbach's alpha rất cao cần được diễn giải thận trọng theo bối cảnh và xem xét kết hợp với các bằng chứng đo lường khác [20].

Phân tích nhân tố khẳng định cho thấy mô hình CFA bậc một với 8 tiêu chuẩn năng lực được dữ liệu hỗ trợ ở mức độ nhất định, trong khi một số chỉ số phù hợp chưa đạt ngưỡng khuyến nghị cho thấy cấu trúc đo lường vẫn còn hạn chế trong bối cảnh cỡ mẫu là 135 và mô hình gồm 35 chỉ báo.

Việc kiểm định mô hình CFA bậc hai cho thấy các tiêu chuẩn thành phần có mối liên hệ đáng kể với một năng lực tổng thể khi các hệ số tải chuẩn hóa chủ yếu lớn hơn 0,70 [15]. Tuy nhiên, chỉ số RMSEA cao cho thấy giả định về một cấu

trúc năng lực duy nhất cần được xem như một giả thuyết lý thuyết ban đầu hơn là bằng chứng xác nhận đầy đủ cấu trúc thang đo.

Mặc dù một số chỉ số của mô hình CFA chưa đạt ngưỡng khuyến nghị, các ước lượng ở mức tham số cho thấy chất lượng đo lường của thang đo là ổn định với các hệ số tải nhân tố có ý nghĩa thống kê [23]. Điều này gợi ý rằng, trong bối cảnh cỡ mẫu còn hạn chế và mô hình đo lường có số lượng chỉ báo tương đối lớn, dữ liệu vẫn hỗ trợ cấu trúc lý thuyết của thang đo ở mức đo lường.

Nhìn chung, kết quả CFA trong nghiên cứu này cung cấp bằng chứng hỗ trợ ban đầu cho cấu trúc lý thuyết của NECC_VN và nhất quán với cách tiếp cận trong các nghiên cứu quốc tế về phát triển thang đo năng lực giảng viên điều dưỡng [9,11,24]. Đồng thời, các kết quả cũng nhấn mạnh nhu cầu tiếp tục kiểm định và tinh chỉnh cấu trúc thang đo trong các nghiên cứu tiếp theo.

Kết quả nghiên cứu cho thấy những người tham gia đến từ nhiều cơ sở đào tạo trên các vùng miền của Việt Nam có mức độ đồng thuận cao đối với bộ chuẩn năng lực này. Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến giảng dạy, thực hành nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp có điểm trung bình cao nhất, phản ánh sự đánh giá tích cực của người tham gia đối với các năng lực cốt lõi của nghề nghiệp. Ngược lại, một số tiêu chí liên quan đến quản lý, lãnh đạo và sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy có điểm trung bình thấp hơn, trong đó tiêu chí sử dụng ngoại ngữ để trao đổi chuyên môn và giảng dạy bằng ngoại ngữ có điểm trung bình thấp nhất. Đây có thể là lo ngại về tính khả thi của tiêu chuẩn ngoại ngữ, từ đó xem xét phạm vi áp dụng hoặc xây dựng lộ trình hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên. Ngoài ra, cần cụ thể hóa các tiêu chí và chỉ số đánh giá, đặc biệt ở tiêu chuẩn quản lý, lãnh đạo nhằm tăng khả năng lượng giá và áp dụng trong thực tiễn.

Ở tất cả tiêu chí, phần lớn giảng viên bày tỏ mức độ “đồng ý”, “hoàn toàn đồng ý” với tỷ lệ đồng thuận vượt qua ngưỡng thường được sử dụng trong nghiên cứu phát triển khung năng lực và sự đồng thuận cao của người đánh giá là bằng chứng về tính phù hợp, khả năng áp dụng của khung năng lực trong giáo dục điều dưỡng [11,18], đồng thời phản ánh được các yêu cầu năng lực của giảng viên điều dưỡng Việt Nam trong thực tiễn nhằm đào tạo được đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn và tiêu chuẩn nghề nghiệp [4,12].

Ngoài ra, nghiên cứu không có sự khác biệt có ý nghĩa

thống kê về điểm đánh giá NECC_VN theo các đặc điểm chung của người tham gia. Điều này cho thấy NECC_VN được đánh giá cao và tương đối nhất quán giữa các đối tượng khác nhau, phản ánh tính phù hợp và khả năng áp dụng rộng rãi trong các bối cảnh đào tạo điều dưỡng. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu quốc tế về năng lực giảng viên điều dưỡng, trong đó các lĩnh vực năng lực cốt lõi thường bao gồm giảng dạy, nghiên cứu, quản lý - lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp đạt mức độ đồng thuận cao từ giảng viên hoặc chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục điều dưỡng [24]. Bên cạnh đó, tổng quan về khung năng lực giảng viên điều dưỡng đã chỉ ra các nhóm năng lực liên quan đến thúc đẩy quá trình học tập của người học, hoạt động nghiên cứu khoa học, lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp suốt đời xuất hiện nhất quán trong nhiều mô hình năng lực khác nhau [10].

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có chủ đích nên có thể tiềm ẩn nguy cơ sai lệch chọn mẫu [25]. Những người tham gia khảo sát có thể có xu hướng là các giảng viên quan tâm nhiều hơn đến chuẩn năng lực hoặc chất lượng giáo dục, từ đó có thể làm tăng mức độ đồng thuận và điểm đánh giá so với quần thể chung. Bên cạnh đó, với kết quả 135 người tham gia, quy mô mẫu có thể được xem là ở mức trung bình so với khuyến nghị chung trong CFA và có thể ảnh hưởng đến các chỉ số của mô hình CFA [16]. Tuy nhiên, dữ liệu có ghi nhận tỷ lệ chưa đồng thuận ở một số tiêu chí, cho thấy đánh giá không hoàn toàn thiên lệch một chiều. Ngoài ra, mẫu nghiên cứu bao phủ cả ba miền, nhiều loại hình cơ sở công tác và hình thức giảng dạy, góp phần tăng tính đa dạng của mẫu và cung cấp bằng chứng ban đầu có giá trị cho giai đoạn kiểm định đầu tiên của bộ chuẩn năng lực. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai cần được tiến hành với cỡ mẫu lớn hơn và phương pháp chọn mẫu có tính đại diện cao hơn cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan nhằm nâng cao khả năng tiếp cận đối tượng nghiên cứu.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã bước đầu kiểm định Chuẩn năng lực giảng viên điều dưỡng Việt Nam (NECC_VN) gồm 8 tiêu chuẩn với 35 tiêu chí dựa trên cơ sở nghiên cứu Delphi trước đó. Kết quả phân tích cho thấy NECC_VN đạt mức độ nhất quán nội bộ cao, phản ánh sự liên kết chặt chẽ giữa các tiêu chí trong

từng tiêu chuẩn năng lực. Các phân tích ở mức tham số và mô hình đo lường cung cấp bằng chứng hỗ trợ ban đầu cho cấu trúc lý thuyết của bộ chuẩn, cho thấy thang đo có tính ổn định và phù hợp để sử dụng trong đánh giá năng lực giảng viên điều dưỡng trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy cần tiếp tục rà soát, kiểm định và tinh chỉnh một số tiêu chí nhằm tăng tính rõ ràng và khả năng áp dụng trong thực tiễn, đặc biệt là các tiêu chí liên quan đến năng lực ngoại ngữ và những lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh của bối cảnh chính sách và điều kiện triển khai. Các nghiên cứu tiếp theo với cỡ mẫu lớn hơn và đa dạng hơn được khuyến nghị nhằm tiếp tục củng cố giá trị cấu trúc và khả năng khái quát của bộ chuẩn NECC_VN.

Lời cảm ơn

Chúng tôi chân thành cảm ơn các chuyên gia đã tham gia vào nghiên cứu Delphi xây dựng Bộ chuẩn năng lực giảng viên Điều dưỡng Việt Nam và các thầy cô đã tham gia vào nghiên cứu này.

Nguồn tài trợ

Nghiên cứu nhận được kinh phí tài trợ từ Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 226/2024/HĐ-ĐHYD ngày 10/9/2024.

Xung đột lợi ích

Không có xung đột lợi ích tiềm ẩn nào liên quan đến bài viết này được báo cáo.

ORCID

Trần Thụy Khánh Linh

<https://orcid.org/0000-0001-6735-846X>

Huỳnh Thụy Phương Hồng

<https://orcid.org/0000-0001-7664-7669>

Hà Thị Như Xuân

<https://orcid.org/0000-0002-7055-1540>

Lương Văn Hoan

<https://orcid.org/0009-0009-4945-5042>

Nguyễn Thị Kim Tường

<https://orcid.org/0000-0002-8738-2114>

Đóng góp của các tác giả

Ý tưởng nghiên cứu: Trần Thụy Khánh Linh

Đề cương và phương pháp nghiên cứu: Trần Thụy Khánh Linh, Huỳnh Thụy Phương Hồng, Hà Thị Như Xuân

Thu thập dữ liệu: Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Kim Tường, Nguyễn Bích Lư

Giám sát nghiên cứu: Huỳnh Thụy Phương Hồng, Hà Thị Như Xuân, Nguyễn Bích Lư

Nhập dữ liệu: Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Kim Tường

Quản lý dữ liệu: Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Kim Tường

Phân tích dữ liệu: Trần Thụy Khánh Linh, Huỳnh Thụy Phương Hồng, Lương Văn Hoan, Nguyễn Thị Kim Tường, Nguyễn Bích Lư

Viết bản thảo đầu tiên: Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Thị Kim Tường

Góp ý bản thảo và đồng ý cho đăng bài: Trần Thụy Khánh Linh, Huỳnh Thụy Phương Hồng, Hà Thị Như Xuân, Lương Văn Hoan, Nguyễn Thị Kim Tường, Nguyễn Bích Lư

Cung cấp dữ liệu và thông tin nghiên cứu

Tác giả liên hệ sẽ cung cấp dữ liệu nếu có yêu cầu từ Ban biên tập.

Chấp thuận của Hội đồng Đạo đức

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 4177/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 19/12/2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization. State of the world's nursing 2020: executive summary. World Health Organization. <https://iris.who.int/handle/10665/331673>. License: CC BY-NC-SA 3.0 IGO 2020.
2. Kelsall-Knight L, Stevens R. Exploring the implementation of person-centred care in nursing practice. Nurs Stand. 2024;39(1):70-5.
3. American Association of Colleges of Nursing. Nursing Faculty Shortage Fact Sheet. American Association of Colleges of Nursing, 2024.
4. Bộ Y tế. Quyết định 3474/QĐ-BYT về việc ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Điều dưỡng Việt Nam. Vietnamese ed. Hà Nội: Bộ Y tế Việt Nam; 2022.
5. Takase M, Niitani M, Imai T. What educators could do

- to facilitate students' use of a deep approach to learning: A multisite cross-sectional design. *Nurse Education Today*. 2020;89:104422.
6. Salminen L, Tuukkanen M, Clever K, Fuster P, Kelly M, Kielé V, et al. The competence of nurse educators and graduating nurse students. *Nurse education today*. 2021;98:104769. Epub 2021/01/26. doi: 10.1016/j.nedt.2021.104769. PubMed PMID: 33493926.
7. World Health Organization. *Nurse Educator Core Competencies*. 1st ed. Geneva: World Health Organization; 2017.
8. Fitzgerald A, McNelis AM, Billings DM. NLN Core Competencies for Nurse Educators: Are They Present in the Course Descriptions of Academic Nurse Educator Programs? *Nursing education perspectives*. 2020;41(1):4-9.
9. Wells-Beede E, Sharpnack P, Gruben D, Klenke-Borgmann L, Goliat L, Yeager C. A Scoping Review of Nurse Educator Competencies: Mind the Gap. *Nurse Educ*. 2023;48(5):234-9. Epub 2023/02/09. doi: 10.1097/nne.0000000000001376. PubMed PMID: 36752621.
10. Taylor C, Mitchell C, Kaneko H, Foley B, Shaw J. Characteristics of nursing educators' professional competency standards: A scoping review. *Nurse education in practice*. 2024;80:104130.
11. Mohamed DLA, Adam SM, Hassan RM. Designing and validating an evaluation tool for nurse educators regarding core competencies. *International journal of health sciences*. 2022;6(S1):1122-33.
12. Bộ Y tế. Thông tư 02/2025/TT-BYT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. 2025.
13. Wolf EJ, Harrington KM, Clark SL, Miller MW. Sample Size Requirements for Structural Equation Models: An Evaluation of Power, Bias, and Solution Propriety. *Educ Psychol Meas*. 2013;76(6):913-34.
14. Bujang MA, Omar ED, Foo DHP, Hon YK. Sample size determination for conducting a pilot study to assess reliability of a questionnaire. *Restor Dent Endod*. 2024;49(1):e3.
15. Brown TA. *Confirmatory factor analysis for applied research*, 2nd ed. New York, NY, US: The Guilford Press; 2015. xvii, 462-xvii, p.
16. Schumaker R, Lomax R, St C. *A beginner's Guide to Structural Equation Modeling*; 2022.
17. Stone BM. The Ethical Use of Fit Indices in Structural Equation Modeling: Recommendations for Psychologists. *Front Psychol*. 2021;12:783226.
18. Diamond IR, Grant RC, Feldman BM, Pencharz PB, Ling SC, Moore AM, et al. Defining consensus: a systematic review recommends methodologic criteria for reporting of Delphi studies. *J Clin Epidemiol*. 2014;67(4):401-9.
19. Tổng Cục Thống Kê. Niên giám Thống kê Nhà xuất bản thống kê; 2024.
20. Taber KS. The Use of Cronbach's Alpha When Developing and Reporting Research Instruments in Science Education. *Research in Science Education*. 2018;48(6):1273-96.
21. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Thông báo tuyển sinh Điều dưỡng trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ năm 2025; 2025. Available from: https://ndun.edu.vn/bai_viet/3412/thong-bao-tuyen-sinh-dieu-duong-trinh-do-tien-si-thac-si-nam-2025.html.
22. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Thông báo tuyển sinh trình độ Tiến sĩ năm 2025, Chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2025 2025 [16/8/2025]. Available from: [https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Chitieu%20TS%20SDH%202025_public\(1\).pdf](https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Chitieu%20TS%20SDH%202025_public(1).pdf).
23. Ondé D, Alvarado JM. Scale Validation Conducting Confirmatory Factor Analysis: A Monte Carlo Simulation Study With LISREL. *Front Psychol*. 2018;9:751.
24. Satoh M, Fujimura A, Sato N. Competency of Academic Nurse Educators. *SAGE Open Nurs*. 2020;6:2377960820969389.
25. Adeoye MA. Review of Sampling Techniques for Education. *ASEAN Journal for Science Education*. 2023;2(2):8.